

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2025

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Bà Ngô Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham
gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ
thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01
năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án
nhân dân huyện Lạng Giang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1997. **HKTT:** Tổ dân phố
số 1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi ở hiện nay: SN C, ngõ B, đường
H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Tạ Quang T**, sinh năm 1993. **HKTT:** Tổ dân phố số 1, thị
trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. **Hiện chấp hành án tại đội 38, phân trại số F,
trại giam P, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

(Chị H, anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị
Thanh H trình bày:* Chị kết hôn với anh **Tạ Quang T** vào ngày 14/3/2018, đăng
ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai
bên tự do, tự nguyện tìm hiểu và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa

phương. Cưới xong, chị về làm dâu và chung sống cùng anh T tại tổ dân phố số A, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Cuối tháng 11 năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau, không tôn trọng nhau, mỗi người làm một ý, tình cảm vợ chồng dần trở nên lạnh nhạt. Từ cuối năm 2021, chị và anh T sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với nhau từ đó. Mặt khác, từ tháng 5/2023 anh T vi phạm pháp luật nên đã bị bắt giam, sau đó anh T đã bị xét xử và đi chấp hành án. Do các con nhớ bố nên thi thoảng chị có đưa các con đến thăm gặp anh T tại nơi anh T đang chấp hành án, giữa chị và anh T không nói chuyện gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Quang T.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tạ Tiến H1, sinh ngày 02/8/2018 và Tạ Hoàng Thảo N, sinh ngày 19/6/2022. Hiện 02 con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh T đang phải chấp hành án tại trại giam P không trực tiếp nuôi dưỡng được con chung nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Tạ Quang T trình bày:*

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Sau khi ly hôn, anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H, bị đơn anh Tạ Quang T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung: Giao 02 con chung là Tạ Tiến H1, sinh ngày 02/8/2018 và Tạ Hoàng Thảo N, sinh ngày 19/6/2022, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Thanh H làm đơn khởi kiện ly hôn anh Tạ Quang T, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Chị H, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018 tại UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh T xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra bất đồng, không tìm được tiếng nói chung; vợ chồng đã ly thân nhau từ giữa năm 2021 đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn.

HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Tạ Tiến H1, sinh ngày 02/8/2018 và Tạ Hoàng Thảo N, sinh ngày 19/6/2022. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung. HĐXX thấy rằng: Hiện các con chung đang do chị H nuôi dưỡng, bản thân anh T đang phải đi chấp hành án ở trại giam. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Thanh H ly hôn anh Tạ Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Tạ Tiến H1, sinh ngày 02/8/2018 và Tạ Hoàng Thảo N, sinh ngày 19/6/2022 cho chị Hoàng Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tạ Quang T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tạ Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003719 ngày 21/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thanh H, anh Tạ Quang T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT Kép;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Trần Thị Hằng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA